

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày 27-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Trinh.
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trọng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 và ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2021/TLST-DS ngày 29-10-2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐXXST-DS ngày 29-4-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là: Ngân hàng).

Địa chỉ: 130 Phan Đăng L, Phường 0, quận Phú N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Kiều Q; chức vụ: Trưởng phòng quản lý tín dụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 138 – 140 đường Quang T, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (Theo giấy ủy quyền số 343/UQ-DAB-QNi ngày 23/5/2022); có mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Lệ Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Đội 02, thôn Phú B, xã Tịnh C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Đội 02, thôn Phú B, xã Tịnh C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 15-7-2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (do bà Trương Thị Kiều Q đại diện) trình bày:

Ngân hàng cho bà Bùi Thị Lệ Q vay số tiền là 30.000.000 đồng, theo Hợp

đồng tín dụng cho vay trả góp số 00581319/0135147101T17021 ngày 21/7/2017; thời hạn cho vay là 18 tháng; mục đích vay vốn: Buôn bán; lãi suất cho vay tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 10,8%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp thành 18 kỳ bằng nhau, ngày thanh toán đầu tiên là 15-8-2017. Ông Bùi Văn Q là người bảo lãnh cho bà Bùi Thị Lê Q. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Q đã trả được số tiền là 32.940.000 đồng, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 21-6-2022, bà Q còn nợ Ngân hàng số tiền 3.456.274 đồng, trong đó nợ gốc 2.120.000 đồng, lãi quá hạn 1.336.274 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Lê Q phải trả toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng; trường hợp bà Bùi Thị Lê Q không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì buộc ông Bùi Văn Q phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 21-6-2022 là 3.456.274 đồng, trong đó nợ gốc 2.120.000 đồng, lãi quá hạn 1.336.274 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00581319/0135147101T17021 ngày 21/7/2017 cho đến khi trả xong nợ.

2. Bị đơn bà Bùi Thị Lê Q và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Q đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Bùi Thị Lê Q phải trả nợ cho Ngân hàng và tiếp tục trả nợ lãi phát sinh. Trường hợp bà Q không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông Bùi Văn Q có trách nhiệm trả nợ thay cho bà Q; Về án phí dân sự: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Bùi Thị Lê Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Q đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Bùi Thị Lê Q và ông Bùi Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản

đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00581319/0135147101T17021 ngày 21/7/2017 do Ngân hàng cung cấp thể hiện bà Bùi Thị Lệ Q có vay tiền của Ngân hàng với số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 18 tháng, mục đích để buôn bán; lãi suất cho vay 10,8%/năm tính theo dư nợ ban đầu; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ gốc và lãi được trả góp thành 18 kỳ bằng nhau.

Theo bảng tính lãi hồ sơ vay tiêu dùng trả góp theo khách hàng của khách hàng Bùi Thị Lệ Q do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thể hiện trong quá trình vay vốn bà Quyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và bà Q nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 27-02-2019. Tính đến ngày 21-6-2022, bà Quyên còn nợ Ngân hàng số tiền 3.456.274 đồng, trong đó nợ gốc 2.120.000 đồng, lãi quá hạn 1.336.274 đồng.

[2.3] Ông Bùi Văn Q không ký tên trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00581319/0135147101T17021 ngày 21/7/2017, tuy nhiên, theo Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 10-7-2017 thì ông Q ký tên với tư cách là người bảo lãnh đối với khoản vay được ký kết giữa Ngân hàng và bà Q, theo đó ông Q cam kết trong trường hợp bà Q không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng, ông Q sẽ trả nợ thay cho bà Q cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng. Như vậy, có căn cứ xác định ông Q đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình đối với việc bà Q vay tiền của Ngân hàng.

[2.4] Căn cứ quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật Dân sự thì việc ông Q cam kết bảo lãnh toàn bộ khoản vay trước khi bà Q vay và đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh sau khi bà Quyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ hoàn toàn phù hợp quy định của Luật; kể từ khi bà Quyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nghĩa vụ trả nợ đã chuyển sang cho ông Q nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 21-6-2022 là 3.456.274 đồng, trong đó nợ gốc 2.120.000 đồng, lãi quá hạn 1.336.274 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00581319/0135147101T17021 ngày 21/7/2017 từ ngày 22-6-2022 cho đến khi trả xong nợ.

[3] Án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa có một phần có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 335, 336, 339, 342, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Bùi Văn Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 21-6-2022 là 3.456.274 (ba triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm bảy mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc 2.120.000 đồng, lãi quá hạn 1.336.274 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00581319/0135147101T17021 ngày 21/7/2017 từ ngày 22-6- 2022 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí:

- Ông Bùi Văn Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000157 ngày 25-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CC THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn